TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST
Ngày: 29/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Doanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: ***Nguyễn Văn T***; Tên gọi khác: Không;

Sinh năm 1989; tại huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã B, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn K; Sinh năm 1965; Đã chết

Con bà Đặng Thị Y; Sinh năm 1965; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là thứ hai (anh bị cáo đã chết).

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 29/7/2005, bị Chủ tịch UBND huyện Văn Giang quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời gian 24 tháng.

- Ngày 26/02/2008, bị TAND huyện Văn Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (Đã được xoá án tích).

- Ngày 08/7/2009, bị TAND huyện Văn Giang xử phạt 01 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (Đã được xoá án tích).

- Ngày 08/11/2016, bị TAND huyện Văn Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (Đã được xoá án tích).

T bị tạm giữ từ ngày 15 đến ngày 18/9/2020 chuyển tạm giam, hiện tại bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Văn Giang.

Theo Lệnh trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đào Văn C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

* Bị hại: Chị Phó Thị G, SN: 18/12/2002

* Người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Ph, SN: 1981

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Bì Minh D, SN: 1993

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

* Người làm chứng:

1/ Anh Hà Duy Đ, SN: 1988

2/ Chị Nguyễn Thị E, SN: 1994

3/ Anh Nguyễn Văn G, SN: 1992

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

4/ Chị Hà Thị H, SN: 2002

Địa chỉ: thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

5/ Anh Vũ Huy Q, SN: 1991

6/ Bà Đặng Thị I, SN: 1965

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Có mặt: Ông C, bà I

Vắng mặt: Chị G, bà Ph, anh D, anh Đ, chị E, anh G, chị H, anh Q không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/9/2020, chị Phó Thị G, sinh năm 2002 ở Thôn A, xã B, huyện V, tỉnh Hưng Yên đi xe máy điện nhãn hiệu X-Men màu đen, không đeo biển số của mẹ chị là bà Hà Thị Ph, đến nhà anh Hà Duy Đ thuộc Thôn N, xã T chơi. Tại nhà anh Đ, chị G dựng xe máy điện ở sân, đầu xe hướng vào nhà, đuôi xe hướng ra ngoài đường rồi dùng chìa khóa mở cốp xe lấy đồ ăn mang vào nhà anh Đ, chìa khoá vẫn để ở ổ khoá cốp. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T đi bộ qua cổng nhà anh Đ, nhìn thấy chiếc xe máy điện của chị G dựng ở sân nhà anh Đ, có cắm chìa khoá ở ổ khoá cốp nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. T quan sát thấy trong phòng khách nhà anh Đ có vợ chồng anh Đ và chị G đang ngồi nói chuyện, không có ai để ý ra ngoài sân nên T đi đến vị trí chiếc xe máy điện của chị G, dùng tay phải rút chìa khoá ở ổ khóa cốp, rồi dắt lùi xe máy điện ra ngoài đường, mở khoá điện và điều khiển xe đi đến nhà bạn là Bì Minh D, sinh năm 1993 ở thôn Phi Liệt, xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang để bán xe. T nói với anh D là muốn bán chiếc xe máy điện trên với giá 3.000.000đ. Anh D đang cần xe để đi nên anh D muốn mua chiếc xe của T. Anh D hỏi xe của ai, có giấy tờ không; T nói là xe của T, không đăng ký nên không có giấy tờ. Do anh D đang cần phương tiện đi lại nên đã đồng ý mua và đã trả cho T 3.000.000đ. Số tiền nhận của anh D từ việc bán xe, T đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 07/9/2020, mẹ của chị G là bà Hà Thị Ph đã có đơn trình báo vụ việc đến Công an xã Tân Tiến. Ngày 15/9/2020, Công an xã Tân Tiến đã bàn giao hồ sơ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 15/9/2020, T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đầu thú về hành vi trộm cắp xe máy điện. Anh D biết được chiếc xe máy điện mua của T là vật chứng của vụ án nên đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang. Bà Hà Thị Ph cũng giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang biển số xe số 89-MĐ2086-78 của xe máy điện trên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đã yêu cầu định giá đối với chiếc xe máy điện nêu trên. Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Giang kết luận: *"01 xe máy điện nhãn hiệu X-Men màu đen, không đeo biển số, đã qua sử dụng có giá trị là 6.000.000 đồng*".

Quá trình điều tra, T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKSVG ngày 23/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "***Trộm cắp tài sản***" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và ăn năn, hối cải;

Người bào chữa cho bị cáo khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn giang truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đề nghị HĐXX xem xét: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít ngiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải; Gia đình bị cáo có hai anh em nhưng anh bị cáo đã chết, bố bị cáo mất sớm, hiện tại bị cáo và mẹ già phải chăm sóc hai người con nhỏ của anh trai (vợ của anh trai bị cáo đã bỏ đi). Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 điều 173; Điều 38; Điểm b khoản 1 điều 47; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/9/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 3.000.000đ do bị cáo bán tài sản trộm cắp được sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 06/9/2020, tại nhà anh Hà Duy Đ ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nguyễn Văn T đã lợi dụng sự sơ hở của chị Phó Thị G lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy điện nhãn hiệu X-Men, màu đen, trị giá 6.000.000 đồng mà chị G đang quản lý, sử dụng rồi mang bán lấy 3.000.000đ tiêu sài cá nhân hết. T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý trộm cắp tài sản. Hành vi của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố Nguyễn Văn T về tội danh và áp dụng điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản của mình. Trong vụ án này, bị hại đã quá sơ hở trong việc quản lý tài sản, dựng xe nhưng vẫn để chìa khóa xe ở ổ khóa cốp xe, chính sự sơ hở này đã tạo điều kiện cho bị cáo trộm cắp tài sản dễ dàng hơn và trong một số trường hợp còn làm nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã một lần bị Chủ tịch UBND huyện Văn Giang quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng vì trộm cắp tài sản, đã được giáo dục tại xã nhưng không tiến bộ; ba lần bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đến nay, bị cáo vẫn không lấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục sống buông thả, lười lao động, muốn sử dụng tiền là mồ hôi, công sức của người khác, tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy điện nêu trên thuộc quyền sở hữu của bà Hà Thị Ph - mẹ đẻ chị Phó Thị G, bà Ph mua xe cho chị G sử dụng và đăng ký xe mang tên chị G để chị G tiện đi lại. Ngày 21/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đã trả lại chiếc xe máy điện cho bà Ph. Bà Ph nhận lại tài sản không có yêu cầu gì. Anh Bì Minh D cũng không yêu cầu T phải hoàn trả số tiền 3.000.000đ nên không đặt ra giải quyết trách nhiệm dân sự.

[6]. Về xử lý vật chứng: 01 xe máy điện nhãn hiệu X-Men màu đen, không đeo biển số và biển số xe số 89-MĐ2086-78 đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang trả lại cho chủ sở hữu là bà Hà Thị Ph. Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. Nay HĐXX không đề cập giải quyết.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Anh D không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng anh đã trả bị cáo khi anh mua xe máy điện nhưng đây là tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có nên cần truy thu của bị cáo sung quỹ nhà nước.

[8]. Những vấn đề khác: Anh Bì Minh D mua chiếc xe máy điện bị cáo trộm cắp nhưng không biết chiếc xe trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo và đề nghị được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 173; Điều 38; Điểm b khoản 1 điều 47; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Điểm b khoản 2 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/9/2020.

4. **Về hình phạt bổ sung**: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5. **Về trách nhiệm dân sự**: Không đặt ra giải quyết.

6. Về xử lý vật chứng: Không đề cập giải quyết.

7. Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) của bị cáo sung quỹ nhà nước.

8. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Văn Giang;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Văn Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Miện